BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01 /2021/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm2021*

THÔNG TƯ
Quy định về xây dựng tiêu chuẩn quốc gia; xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về xây dựng tiêu chuẩn quốc gia; xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (sau đây viết tắt là tiêu chuẩn); xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (sau đây viết tắt là quy chuẩn) thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng tiêu chuẩn; xây dựng, ban hành quy chuẩn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây viết tắt là Bộ).

Điều 3. Kinh phí cho hoạt động xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn

1. Kinh phí xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn được bố trí từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung chi, định mức chi xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

Chương II
XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

Điều 4. Lập, phê duyệt kế hoạch 5 năm xây dựng tiêu chuẩn

1. Trước khi kết thúc kế hoạch 5 năm xây dựng tiêu chuẩn, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường gửi văn bản hướng dẫn Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành (sau đây viết tắt là Tổng cục, Cục) lập kế hoạch 5 năm tiếp theo.

2. Theo lĩnh vực được phân công phụ trách, Tổng cục, Cục, đề xuất kế hoạch 5 năm xây dựng tiêu chuẩn và thuyết minh theo quy định tại Biểu mẫu số 1, Biểu mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường. Dự thảo kế hoạch 5 năm được lập theo các căn cứ quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Căn cứ lập kế hoạch 5 năm xây dựng tiêu chuẩn

a) Luật, văn bản quy phạm pháp luật liên quan;

b) Chiến lược phát triển của ngành và lĩnh vực;

c) Tính khả thi, đồng bộ, thống nhất trong hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn;

d) Điều kiện hội nhập quốc tế và trình độ phát triển khoa học công nghệ của quốc gia, ngành, lĩnh vực.

4. Trên cơ sở đề xuất của các Tổng cục, Cục, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường tổng hợp, dự thảo kế hoạch 5 năm xây dựng tiêu chuẩn trình Bộ gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Trên cơ sở ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ đối với dự thảo kế hoạch 5 năm xây dựng tiêu chuẩn, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Tổng cục, Cục hoàn thiện, trình Bộ phê duyệt.

6. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm xây dựng tiêu chuẩn.

a) Căn cứ yêu cầu quản lý và thực tiễn sản xuất, Tổng cục, Cục rà soát kế hoạch 5 năm xây dựng tiêu chuẩn, đề xuất điều chỉnh, bổ sung theo quy định tại Biểu mẫu số 1, Biểu mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi về Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường.

b) Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường tổng hợp, trình Bộ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm xây dựng tiêu chuẩn trước ngày 31 tháng 10.

Điều 5. Lập, phê duyệt kế hoạch hằng năm xây dựng tiêu chuẩn

1. Đề xuất kế hoạch hằng năm

a) Trước ngày 01 tháng 02 hằng năm, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường hướng dẫn lập kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn cho năm tiếp theo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và gửi các Tổng cục, Cục;

b) Theo lĩnh vực được phân công phụ trách, Tổng cục, Cục đề xuất kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn theo quy định tại Biểu mẫu số 3, Biểu mẫu số 4 ban hành kèm theo Thông tư này, gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường trước ngày 31 tháng 3 hằng năm. Dự thảo kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn dựa trên các căn cứ: kế hoạch 5 năm đã được phê duyệt; yêu cầu thực tiễn sản xuất, quản lý; đề xuất của tổ chức, cá nhân;

c) Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường tổng hợp, đánh giá sự phù hợp của tài liệu làm căn cứ xây dựng tiêu chuẩn; dự thảo kế hoạch hằng năm xây dựng tiêu chuẩn trình Bộ gửi Bộ Khoa học và Công nghệ;

d) Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường thông báo ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ để Tổng cục, Cục hoàn thiện dự thảo kế hoạch hằng năm xây dựng tiêu chuẩn.

2. Phê duyệt kế hoạch hằng năm (danh mục và kinh phí) xây dựng tiêu chuẩn

a) Tổng cục, Cục lựa chọn, giao Tổ chức chủ trì biên soạn (Viện, Trường, Hội, Hiệp hội, Trung tâm, Phòng, Ban...) lập đề cương dự án xây dựng tiêu chuẩn theo quy định tại Biểu mẫu số 8 ban hành kèm theo Thông tư này, gửi kế hoạch và đề cương dự án xây dựng tiêu chuẩn về Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường trước ngày 15 tháng 5;

b) Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính thẩm định nội dung, kinh phí xây dựng tiêu chuẩn;

c) Căn cứ kết quả thẩm định nội dung, kinh phí xây dựng tiêu chuẩn, Tổng cục, Cục thành lập Hội đồng kỹ thuật chuyên ngành theo quy định tại khoản 4 Điều này để tư vấn đề cương dự án xây dựng tiêu chuẩn. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng, Tổng cục, Cục phê duyệt đề cương dự án xây dựng tiêu chuẩn và gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường trước ngày 15 tháng 6;

d) Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường tổng hợp, trình Bộ phê duyệt kế hoạch hằng năm (danh mục và kinh phí) xây dựng tiêu chuẩn.

3. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hằng năm xây dựng tiêu chuẩn.

a) Trước ngày 01 tháng 5 hoặc ngày 01 tháng 10, Tổng cục, Cục gửi đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hằng năm xây dựng tiêu chuẩn về Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường.

Đối với trường hợp điều chỉnh, Tổng cục, Cục đề xuất nội dung và lý do điều chỉnh.

Đối với trường hợp bổ sung, thực hiện theo quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều này.

b) Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường tổng hợp, trình Bộ xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hằng năm xây dựng tiêu chuẩn và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Hội đồng kỹ thuật chuyên ngành

a) Hội đồng kỹ thuật chuyên ngành (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do các Tổng cục, Cục thành lập và quản lý.

b) Hội đồng có tối đa 07 thành viên, bao gồm đại diện Tổng cục, Cục, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường và các chuyên gia. Thành viên Ban soạn thảo không được tham gia Hội đồng.

c) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng theo Quyết định thành lập, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch được ủy quyền, các uỷ viên phản biện, thư ký. Các thành viên đánh giá độc lập bằng phiếu; ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi 3/4 số thành viên có mặt nhất trí. Ý kiến của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo. Biên bản họp Hội đồng và phiếu nhận xét, đánh giá của thành viên hội đồng theo quy định tại Biểu mẫu số 12, Biểu mẫu số 13 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Xây dựng dự thảo tiêu chuẩn

1. Tổ chức chủ trì biên soạn thực hiện theo đề cương đã được phê duyệt. Dự thảo tiêu chuẩn được trình bày và thể hiện theo quy định tại TCVN 1-2:2008.

2. Tổng cục, Cục lấy ý kiến góp ý cho dự thảo tiêu chuẩn trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, Tổng cục, Cục trong thời gian 60 ngày kể từ ngày đăng thông báo; trường hợp cấp thiết phục vụ quản lý nhà nước của Bộ thì thời gian lấy ý kiến có thể rút ngắn theo quyết định của Lãnh đạo Bộ, nhưng không ít hơn 30 ngày.

3. Tổ chức chủ trì biên soạn tiếp thu ý kiến góp ý, hoàn chỉnh dự thảo và lập hồ sơ đề nghị thẩm tra dự án xây dựng tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 4 Điều này gửi về Tổng cục, Cục.

4. Hồ sơ đề nghị thẩm tra dự án xây dựng tiêu chuẩn gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm tra hồ sơ;

b) Văn bản giao nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn;

c) Đề cương dự án xây dựng tiêu chuẩn được phê duyệt;

d) Báo cáo quá trình xây dựng dự thảo tiêu chuẩn theo quy định tại Biểu mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Dự thảo tiêu chuẩn;

e) Thuyết minh dự thảo tiêu chuẩn theo quy định tại Biểu mẫu số 14 ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Bản sao tài liệu sử dụng làm căn cứ xây dựng dự thảo tiêu chuẩn;

h) Danh sách tổ chức, cá nhân được gửi lấy ý kiến; bản sao ý kiến góp ý;

i) Bản tổng hợp, giải trình và tiếp thu ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Biểu mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư này;

k) Các văn bản, tài liệu khác liên quan (nếu có).

Điều 7. Thẩm tra hồ sơ dự án xây dựng tiêu chuẩn

1. Tổng cục, Cục chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường tổ chức thẩm tra hồ sơ dự án xây dựng tiêu chuẩn thông qua Hội đồng được thành lập theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này.

2. Nội dung thẩm tra hồ sơ dự án xây dựng tiêu chuẩn gồm:

a) Đánh giá về nội dung chuyên môn kỹ thuật của dự thảo tiêu chuẩn;

b) Đánh giá sự đầy đủ, hoàn thiện của hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này.

Điều 8. Thẩm định hồ sơ dự án xây dựng tiêu chuẩn

1. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày họp thẩm tra hồ sơ dự án xây dựng tiêu chuẩn, Tổng cục, Cục tổ chức việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị thẩm định dự án xây dựng tiêu chuẩn gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường đánh giá sự đầy đủ và hoàn thiện của hồ sơ; đề nghị Tổng cục, Cục tổ chức hoàn thiện (trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ); gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định.

3. Hồ sơ đề nghị thẩm định dự án xây dựng tiêu chuẩn gồm:

a) Công văn đề nghị thẩm định Hồ sơ dự án xây dựng tiêu chuẩn;

b) Các tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này đã được chỉnh lý, hoàn thiện sau khi thẩm tra;

c) Biên bản thẩm tra hồ sơ dự án xây dựng tiêu chuẩn theo quy định tại Biểu mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Bản tổng hợp, giải trình và tiếp thu ý kiến thẩm tra hồ sơ dự án xây dựng tiêu chuẩn theo quy định tại Biểu mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Tiếp thu ý kiến thẩm định hồ sơ dự án xây dựng tiêu chuẩn

1. Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định tiêu chuẩn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường thông báo gửi Tổng cục, Cục.

2. Trường hợp Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất công bố tiêu chuẩn, trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định,

Tổng cục, Cục tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị công bố theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường.

3. Trường hợp Bộ Khoa học và Công nghệ không thống nhất công bố tiêu chuẩn, trong thời gian 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định, Tổng cục, Cục gửi văn bản giải trình về Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường để xem xét, tổng hợp, trình Bộ gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 10. Đề nghị công bố tiêu chuẩn

1. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kèm hồ sơ đề nghị công bố tiêu chuẩn của Tổng cục, Cục, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường đánh giá sự đầy đủ và hoàn thiện của hồ sơ; đề nghị Tổng cục, Cục hoàn thiện hồ sơ (trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ); báo cáo Bộ gửi Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tiêu chuẩn.

2. Hồ sơ đề nghị công bố tiêu chuẩn gồm:

a) Công văn đề nghị công bố tiêu chuẩn;

b) Dự thảo tiêu chuẩn quốc gia (07 bản in và bản điện tử);

c) Bản tổng hợp, giải trình và tiếp thu ý kiến thẩm định hồ sơ dự án xây dựng tiêu chuẩn theo quy định tại Biểu mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III
XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Mục 1
LẬP KẾ HOẠCH XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Điều 11. Lập, phê duyệt kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn

1. Trước khi kết thúc kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường gửi văn bản hướng dẫn Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành lập kế hoạch 5 năm tiếp theo.

2. Trên cơ sở kết quả rà soát và các căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này, Tổng cục, Cục đề xuất kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn và thuyết minh theo quy định tại Biểu mẫu số 1, Biểu mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Tổng cục, Cục gửi dự thảo kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn đến tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến, đồng thời thông báo về việc lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, Tổng cục, Cục. Thời gian lấy ý kiến ít nhất là 30 ngày kể từ ngày đăng thông báo.

4. Tổng cục, Cục tổng hợp, tiếp thu ý kiến góp ý, hoàn thiện dự thảo kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường.

5. Trên cơ sở đề xuất của Tổng cục, Cục, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường tổng hợp và lập dự thảo kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn ngành nông nghiệp gửi lấy ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ; chủ trì, phối hợp với các Tổng cục, Cục tiếp thu, hoàn thiện, trình Bộ xem xét, phê duyệt kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn.

6. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn.

a) Căn cứ yêu cầu quản lý và thực tiễn sản xuất, Tổng cục, Cục rà soát kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn, đề xuất điều chỉnh, bổ sung theo quy định tại điểm b, c khoản này gửi về Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường. Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường tổng hợp, trình Bộ gửi Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Đối với trường hợp điều chỉnh, Tổng cục, Cục đề xuất nội dung và lý do điều chỉnh gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường;

c) Đối với trường hợp bổ sung, Tổng cục, Cục đề xuất bổ sung kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này. Trường hợp cấp thiết phục vụ quản lý nhà nước của Bộ, việc bổ sung kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường tổng hợp, trình Bộ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn trước ngày 31 tháng 10.

Điều 12. Lập, phê duyệt kế hoạch hằng năm xây dựng quy chuẩn

1. Đề xuất kế hoạch hằng năm xây dựng quy chuẩn

a) Trước ngày 01 tháng 02, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường hướng dẫn lập kế hoạch xây dựng quy chuẩn cho năm tiếp theo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và gửi các Tổng cục, Cục;

b) Dự thảo kế hoạch hằng năm xây dựng quy chuẩn được xây dựng dựa trên các căn cứ: kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn đã được phê duyệt; yêu cầu sản xuất, quản lý;

c) Theo lĩnh vực được phân công phụ trách, Tổng cục, Cục gửi dự thảo kế hoạch đến tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến, đồng thời thông báo về việc lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, Tổng cục, Cục (thời gian lấy ý kiến ít nhất là 30 ngày kể từ ngày đăng thông báo); tổng hợp, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo kế hoạch theo quy định tại Biểu mẫu số 3, Biểu mẫu số 5 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường trước ngày 31 tháng 3;

d) Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường tổng hợp, đánh giá sự phù hợp của tài liệu làm căn cứ xây dựng quy chuẩn; dự thảo kế hoạch hằng năm xây dựng quy chuẩn, trình Bộ gửi lấy ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ;

đ) Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường thông báo ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ để Tổng cục, Cục hoàn thiện dự thảo kế hoạch hằng năm xây dựng quy chuẩn.

2. Phê duyệt kế hoạch hằng năm (danh mục và kinh phí) xây dựng quy chuẩn

a) Tổng cục, Cục tổ chức lập đề cương dự án xây dựng tiêu chuẩn theo quy định tại Biểu mẫu số 9 ban hành kèm theo Thông tư này; gửi đề xuất kế hoạch kèm đề cương dự án xây dựng quy chuẩn về Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường trước ngày 15 tháng 5;

b) Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính thẩm định nội dung, kinh phí xây dựng quy chuẩn;

c) Căn cứ kết quả thẩm định nội dung, kinh phí xây dựng quy chuẩn, Tổng cục, Cục thành lập Hội đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này để tư vấn đề cương dự án xây dựng quy chuẩn. Hội đồng gồm các thành viên theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 Thông tư này và đại diện Vụ Pháp chế. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng, Tổng cục, Cục phê duyệt đề cương dự án xây dựng quy chuẩn và gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường trước ngày 15 tháng 6;

d) Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường tổng hợp, trình Bộ phê duyệt kế hoạch hằng năm (danh mục và kinh phí) xây dựng quy chuẩn.

3. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hằng năm xây dựng quy chuẩn.

a) Trước ngày 01 tháng 5 hoặc ngày 01 tháng 10, Tổng cục, Cục gửi đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hằng năm xây dựng quy chuẩn về Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường.

Đối với trường hợp điều chỉnh, Tổng cục, Cục đề xuất nội dung và lý do điều chỉnh.

Đối với trường hợp bổ sung, thực hiện theo quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều này.

b) Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường tổng hợp, trình Bộ xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hằng năm xây dựng quy chuẩn và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 13. Thông báo kế hoạch xây dựng quy chuẩn

Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày kế hoạch xây dựng quy chuẩn (kế hoạch hằng năm, 5 năm hoặc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hằng năm, kế hoạch 5 năm) được phê duyệt, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ và thông báo tới Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp quốc gia về tiêu chuẩn đo lường chất lượng (sau đây viết tắt là Văn phòng TBT Việt Nam) và các tổ chức có liên quan.

Mục 2
TRÌNH TỰ XÂY DỰNG, THẨM TRA, THẨM ĐỊNH VÀ BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Điều 14. Xây dựng dự thảo quy chuẩn

1. Tổ chức chủ trì biên soạn thực hiện theo đề cương đã được phê duyệt. Dự thảo quy chuẩn được trình bày và thể hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật (sau đây viết tắt là Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN).

2. Tổng cục, Cục lấy ý kiến góp ý cho dự thảo quy chuẩn trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, Tổng cục, Cục trong thời gian 60 ngày kể từ ngày đăng thông báo.

Trường hợp cấp thiết phục vụ quản lý nhà nước của Bộ thì thời gian lấy ý kiến có thể rút ngắn theo quyết định của Lãnh đạo Bộ, nhưng không ít hơn 30 ngày.

Trường hợp nội dung quy chuẩn có khả năng ảnh hưởng đến thương mại quốc tế, Tổng cục, Cục gửi dự thảo quy chuẩn đến Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp quốc gia về Vệ sinh Dịch tễ và Kiểm dịch Động thực vật Việt Nam (Văn phòng SPS Việt Nam), Văn phòng TBT Việt Nam để xác định sự cần thiết thông báo cho Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BKHCN ngày 29/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định hoạt động, phối hợp trong Mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp và Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

3. Tổ chức chủ trì biên soạn hoàn chỉnh dự thảo và lập hồ sơ đề nghị thẩm tra dự án xây dựng quy chuẩn theo quy định tại khoản 4 Điều này, gửi về Tổng cục, Cục.

4. Hồ sơ đề nghị thẩm tra dự án xây dựng quy chuẩn gồm:

a) Công văn đề nghị thẩm tra hồ sơ dự án xây dựng quy chuẩn;

b) Văn bản giao nhiệm vụ xây dựng quy chuẩn;

c) Đề cương dự án xây dựng quy chuẩn được phê duyệt;

d) Báo cáo quá trình xây dựng dự thảo quy chuẩn theo quy định tại Biểu mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Dự thảo quy chuẩn;

e) Thuyết minh dự thảo quy chuẩn theo quy định tại Biểu mẫu số 14 ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Bản sao tài liệu sử dụng làm căn cứ xây dựng dự thảo quy chuẩn;

h) Danh sách tổ chức, cá nhân được gửi lấy ý kiến; bản sao ý kiến góp ý;

i) Bản tổng hợp, giải trình và tiếp thu ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Biểu mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư này;

k) Các văn bản, tài liệu khác liên quan (nếu có).

Điều 15. Thẩm tra hồ sơ dự án xây dựng quy chuẩn

1. Tổng cục, Cục chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường tổ chức thẩm tra hồ sơ dự án xây dựng quy chuẩn thông qua Hội đồng được thành lập theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

2. Nội dung thẩm tra hồ sơ dự án xây dựng quy chuẩn gồm:

a) Đánh giá về nội dung chuyên môn kỹ thuật của dự thảo quy chuẩn;

b) Đánh giá sự đầy đủ, hoàn thiện của hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư này.

Điều 16. Thẩm định hồ sơ dự án xây dựng quy chuẩn

1. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày họp thẩm tra hồ sơ dự án xây dựng quy chuẩn, Tổng cục, Cục tổ chức việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị thẩm định dự án xây dựng quy chuẩn gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường đánh giá sự đầy đủ và hoàn thiện của hồ sơ; đề nghị Tổng cục, Cục tổ chức hoàn thiện hồ sơ (trong trường hợp chưa hợp lệ); gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định.

3. Hồ sơ đề nghị thẩm định dự án xây dựng quy chuẩn gồm:

a) Công văn đề nghị thẩm định Hồ sơ dự án xây dựng quy chuẩn;

b) Các tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư này đã được hoàn thiện sau khi thẩm tra;

c) Biên bản thẩm tra hồ sơ dự án xây dựng quy chuẩn theo quy định tại Biểu mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Bản tổng hợp, giải trình và tiếp thu ý kiến góp ý Hội đồng kỹ thuật chuyên ngành thẩm tra hồ sơ dự án xây dựng quy chuẩn theo quy định tại Biểu mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 17. Tiếp thu ý kiến thẩm định hồ sơ dự án xây dựng quy chuẩn

1. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường thông báo kết quả thẩm định gửi Tổng cục, Cục.

2. Trường hợp Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất ban hành quy chuẩn, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường cấp số hiệu quy chuẩn theo quy định tại Điều 19 Thông tư này. Tổng cục, Cục tổ chức việc hoàn thiện hồ sơ trình ban hành quy chuẩn theo quy định tại Điều 18 Thông tư này.

3. Trường hợp Bộ Khoa học và Công nghệ không thống nhất ban hành quy chuẩn, trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định, Tổng cục, Cục gửi văn bản giải trình về Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường để xem xét, tổng hợp, trình Bộ gửi Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 18. Ban hành quy chuẩn

1. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về kết quả thẩm định và số hiệu quy chuẩn, Tổng cục, Cục chủ trì hoàn thiện hồ sơ ban hành quy chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều này; chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường và các đơn vị liên quan trình Bộ ban hành quy chuẩn.

2. Hồ sơ ban hành quy chuẩn gồm:

a) Tờ trình, phiếu trình Thông tư ban hành quy chuẩn;

b) Dự thảo Thông tư ban hành quy chuẩn;

c) Dự thảo quy chuẩn đã hoàn thiện (bản in và bản điện tử);

d) Ý kiến thẩm định hồ sơ dự án xây dựng quy chuẩn của Bộ Khoa học và Công nghệ;

đ) Bản tổng hợp, giải trình và tiếp thu ý kiến thẩm định theo quy định tại Biểu mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 19. Số hiệu quy chuẩn

1. Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường quản lý và cấp số hiệu quy chuẩn.

2. Số hiệu quy chuẩn do Bộ ban hành như sau:

QCVN xx-zz : yyyy/BNNPTNT. Trong đó:

QCVN là chữ viết tắt quy chuẩn.

xx-zz là số hiệu quy chuẩn.

xx là mã theo lĩnh vực: 01 là lĩnh vực Nông nghiệp; 02 là lĩnh vực Thuỷ sản; 03 là lĩnh vực Lâm nghiệp; 04 là lĩnh vực Thuỷ lợi; Phòng chống thiên tai.

zz là số của quy chuẩn. Giữa mã theo lĩnh vực và số quy chuẩn được phân cách bằng dấu gạch ngang (-).

yyyy là năm ban hành quy chuẩn. Giữa số hiệu và năm ban hành được phân cách bằng dấu hai chấm (:).

BNNPTNT là chữ viết tắt tên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đặt sau năm ban hành (yyyy) và được phân cách bằng dấu gạch chéo (/).

Điều 20. Thông báo và đăng ký quy chuẩn

1. Tổng cục, Cục thông báo quy chuẩn đã được ban hành trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, Tổng cục, Cục và công báo theo quy định.

2. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày ban hành quy chuẩn, Tổng cục, Cục hoàn thành việc đăng ký quy chuẩn với Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

Mục 3
RÀ SOÁT, HUỶ BỎ QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Điều 21. Rà soát quy chuẩn

1. Định kỳ hoặc đột xuất, Tổng cục, Cục tổ chức rà soát quy chuẩn theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 35 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, lập hồ sơ rà soát theo quy định tại khoản 2 Điều này. Kết quả rà soát là căn cứ hủy bỏ quy chuẩn, lập kế hoạch xây dựng, sửa đổi, bổ sung, thay thế quy chuẩn.

2. Hồ sơ rà soát gồm:

a) Báo cáo kết quả rà soát theo quy định tại Biểu mẫu số 6 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Danh mục quy chuẩn cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ theo quy định tại Biểu mẫu số 7 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 22. Huỷ bỏ quy chuẩn

1. Tổng cục, Cục lập hồ sơ huỷ bỏ quy chuẩn theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường để trình Bộ đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định.

2. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Tổng cục, Cục tiếp thu, giải trình gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường.

3. Trên cơ sở ý kiến của Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Tổng cục, Cục hoàn thiện hồ sơ, chủ trì trình Bộ hủy bỏ quy chuẩn.

4. Trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày văn bản hủy bỏ quy chuẩn có hiệu lực, Tổng cục, Cục thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, Tổng cục, Cục.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm của Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường

1. Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tham mưu, tổng hợp giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước công tác tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ;

b) Trình Bộ phê duyệt kế hoạch 5 năm, hằng năm xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn; Thông báo kế hoạch xây dựng quy chuẩn theo quy định;

c) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị thuộc Bộ trong công tác tiêu chuẩn, quy chuẩn;

d) Thẩm định nội dung, kinh phí xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn;

đ) Đầu mối phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ đối với các hoạt động liên quan đến công tác tiêu chuẩn, quy chuẩn ngành nông nghiệp;

e) Cập nhật thông tin về kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn, kết quả công bố, rà soát, sửa đổi và hủy bỏ tiêu chuẩn, quy chuẩn của các Bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực quản lý của Bộ;

g) Tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn, quy chuẩn.

2. Phối hợp với Tổng cục, Cục trình ban hành quy chuẩn; kiểm tra việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn; phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn.

Điều 24. Trách nhiệm của Vụ Tài chính, Vụ Pháp chế

1. Vụ Tài chính có trách nhiệm tham gia thẩm định nội dung, kinh phí xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn; chủ trì quyết toán kinh phí xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn.

2. Vụ Pháp chế có trách nhiệm tham gia Hội đồng thẩm tra hồ sơ dự án xây dựng quy chuẩn; kiểm soát trình tự, thủ tục xây dựng Thông tư ban hành quy chuẩn.

Điều 25. Trách nhiệm của các Tổng cục, Cục

1. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về chất lượng tiêu chuẩn, quy chuẩn và tiến độ thực hiện dự án xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn;

2. Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Thành lập Hội đồng kỹ thuật chuyên ngành, điều chỉnh thành viên Hội đồng (nếu cần);

b) Phê duyệt đề cương (bao gồm cả kinh phí) dự án xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn trên cơ sở ý kiến thẩm định nội dung, kinh phí của Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính và kết luận của Hội đồng;

c) Tổ chức rà soát, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định;

d) Thông báo việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ quy chuẩn theo quy định;

đ) Tổ chức phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định;

e) Lưu trữ hồ sơ xây dựng quy chuẩn theo quy định;

g) Kiểm tra, thanh tra việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn theo lĩnh vực được phân công phụ trách.

3. Tham gia ý kiến đối với kế hoạch xây dựng, nội dung quy chuẩn kỹ thuật do địa phương, Bộ, ngành chủ trì soạn thảo gửi lấy ý kiến.

4. Đôn đốc, kiểm tra, theo dõi, xử lý trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn; chỉ đạo Tổ chức chủ trì biên soạn trong việc tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ dự án xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

5. Báo cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ trưởng về kết quả thực hiện.

Điều 26. Trách nhiệm của Tổ chức chủ trì biên soạn

1. Chịu trách nhiệm về nội dung chuyên môn kỹ thuật của tiêu chuẩn, quy chuẩn được giao xây dựng.

2. Lập, trình Tổng cục, Cục phê duyệt đề cương dự án xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn; thực hiện các nội dung theo đề cương dự án xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn đã được phê duyệt.

3. Lưu trữ hồ sơ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các dự án xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn đang thực hiện, đã được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định đã phê duyệt.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 5 năm 2021

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 48/2014/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn quản lý, xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, công bố tiêu chuẩn quốc gia thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân kịp thời thông tin về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường) để xem xét, sửa đổi./.

Nơi nhận:
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, KHCN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Lê Quốc Doanh